

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày 23-02-2023.
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Sơn.
2. Ông Nguyễn Thành Công Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn – tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C1.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà C2, khu B, phường H1, quận H2, thành phố H3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T – Giám đốc phòng giao dịch huyện N1 - Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận (Theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C1).

Địa chỉ phòng giao dịch: Khu phố X, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Minh V – Phó Giám đốc phòng giao dịch huyện N1 - Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/6/2022 của Giám đốc phòng giao dịch huyện N – chi nhánh tỉnh Ninh Thuận).

- Bị đơn: Ông Lê Châu M1, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn N2, xã M2, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phù Nhị M3, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn N2, xã M2, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

(Tất cả các đương sự đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Minh V là Người được ủy quyền lại của

Nguyên đơn - Ngân hàng C1 (Sau đây viết tắt là NHCSXHVN và gọi tắt là Ngân hàng) có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-6-2022 và quá trình tham gia tố tụng, ông V trình bày:

Ông Lê Châu M1 có đứng tên vay vốn tại NHCSXHVN - phòng giao dịch huyện N1 - chi nhánh tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được phê duyệt ngày 12/9/2016.

- Mã món vay: 6600000708392071.

- Mã khách hàng: 3800068680.

- Số tiền vay: 30.000.000 đồng.

- Lãi suất: 0.66%/ tháng.

- Lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay.

- Thời hạn cho vay: 60 tháng.

- Phân kỳ trả nợ: 12 tháng/ lần.

- Số tiền trả nợ: 6.000.000 đồng/ lần.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 13/9/2021.

- Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 13.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò sinh sản theo chương trình Hộ cận nghèo.

- Ngày 14/9/2016, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 30.000.000 đồng.

Sau khi vay, ông M1 và vợ là bà M2 không thanh toán đủ tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M1, bà M2 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ngày 12/10/2022, bà M2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.000.000 đồng, bao gồm 9.672.010 đồng tiền gốc và 3.327.990 đồng tiền lãi. Do đó, nay Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông M1 chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số nợ còn lại gồm:

- Nợ gốc là: 20.327.990 đồng.

- Nợ lãi tính đến ngày 23/02/2023 là: 591.061 đồng.

Tổng cộng là: 20.919.051 đồng.

2/ Từ ngày 24/02/2023, buộc ông M1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được phê duyệt ngày 12/9/2016 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Châu M1 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phù Nhị M2 xin vắng mặt:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông bà đồng ý việc khởi kiện của Ngân hàng và đồng ý thanh toán phần của mình. Ngày 12/10/2022, bà M2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.000.000 đồng. Do đó, nay ông bà đều đồng ý để một mình ông M1 chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn lại. Ông M1 cũng đồng ý từ ngày 24/02/2023 sẽ tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được phê duyệt ngày 12/9/2016 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn quá trình giải quyết có trình bày ý kiến nhưng tại phiên tòa ngày 06/02/2023 vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng của mình. Tuy nhiên, trước phiên tòa hôm nay đã có ý kiến và xin xét xử vắng mặt. Mức độ vi phạm không nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất của vụ án, có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHCSXHVN, cụ thể như sau:

- Buộc ông Lê Châu M1 phải chịu trách nhiệm thanh toán cho NHCSXHVN nợ gốc là: 20.327.990 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/02/2023 là: 591.061 đồng. Tổng cộng là: 20.919.051 đồng.

- Buộc ông Lê Châu M1 tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 24/02/2023 cho đến khi trả xong khoản nợ gốc phải thanh toán.

- NHCSXHVN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Lê Châu M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng C1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết về Tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Lê Châu M1, bà Phù Nhị M2, yêu cầu ông bà trả tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy: Theo thỏa thuận giữa các bên thì mục đích vay vốn là chăn nuôi bò sinh sản theo chương trình Hộ cận nghèo. Ông M1, bà M2 không có đăng ký kinh doanh, thương mại, thỏa thuận không phát sinh vì mục đích kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và cũng không có mục đích lợi nhuận theo như quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là ông Lê Châu M1 có địa chỉ cư trú tại thôn Nha Húi, xã Mỹ Sơn,

huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] *Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, tất cả các đương sự đều vắng mặt nhưng quá trình giải quyết đã có ý kiến trình bày và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] **Về nội dung tranh chấp:** *Xét yêu cầu khởi kiện của NHCSXHVN, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] *Về việc NHCSXHVN yêu cầu ông Lê Châu M1 phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc của khoản vay là 20.327.990 đồng:*

Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngân hàng đã phê duyệt cho ông M1 khoản vay với số tiền vay: 30.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 13/9/2021.

Xét thấy: Giao dịch xác lập giữa các bên dựa trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội, có hình thức, nội dung phù hợp pháp luật, đúng quy định tại khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng nên được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Ngày 14/9/2016, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền của khoản vay trên. Tuy nhiên, sau khi vay, ông M1 và bà M2 không thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và lãi theo đúng thỏa thuận. Hiện khoản vay đã quá kỳ hạn trả nợ và chuyển sang nợ quá hạn. Việc vi phạm nghĩa vụ của bị đơn trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng được pháp luật bảo vệ, vi phạm các thỏa thuận đã ký kết. Bà Phù Nhị M2 không trực tiếp ký kết giao dịch nhưng đồng ý ký thừa kế khoản vay cho ông M1 đại diện đứng tên người vay để thực hiện các giao dịch với Ngân hàng. Theo Bản án số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn tuyên bố hai người không phải là vợ chồng theo đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của bà M2 nhưng tại thời điểm vay, đây là khoản vay chung của hai người, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, sinh hoạt, sản xuất của trong thời kỳ chung sống như vợ chồng nên ông bà đều phải chịu trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng. Do đó, việc NHCSXHVN yêu cầu ông M1 và bà M2 cùng phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2022, khi số nợ tại Ngân hàng là 30.000.000 đồng tiền gốc và 3.009.020 đồng tiền lãi, ông M1 đã đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng 17.000.000 đồng tiền gốc và 3.009.020 đồng tiền lãi, số tiền gốc còn lại 13.000.000 đồng ông đề nghị bà M2 có trách nhiệm thanh toán và kể từ ngày 25/8/2022, ông đồng ý mỗi người phải chịu khoản tiền lãi quá hạn tương ứng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán mà mỗi người phải chịu, theo mức lãi suất tại Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay đã ký với Ngân hàng C1 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2022, bà M2 trình bày rằng ông M1 quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của hai người nên nay bà đề nghị một mình ông chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến ngày 12/10/2022, bà đã tự nguyện thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.000.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2023 và 22/02/2023, cả ông M1 và bà M2 đều chung ý kiến: Do bà M2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.000.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc nên một mình ông M1 sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi còn lại của khoản vay cho Ngân hàng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/12/2022, tại bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 23/02/2023 của Ngân hàng cũng có ý kiến như của ông M1, bà M2.

Ý kiến của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông M1 phải thanh toán số tiền gốc 20.327.990 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] *Về việc NHCSXHVN yêu cầu ông Lê Châu M1 phải thanh toán số tiền nợ lãi phát sinh:*

Xét thấy: NHCSXHVN cho ông M1 vay tổng số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,66%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay. Các bên đã thỏa thuận với nhau về thời hạn thanh toán, mức lãi suất cho vay nên việc ông M1 không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Về thời gian, mức tính lãi suất mà Ngân hàng đã áp dụng là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được phê duyệt, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 11, Điều 17 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đã được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005): “Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn”. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông M1 phải thanh toán tiền lãi là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.3] Từ những phân tích trên và xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội

đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHCSXHVN:

- Buộc ông Lê Châu M1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho NHCSXHVN số tiền nợ gốc và lãi, cụ thể:

+ Nợ gốc là: 20.327.990 đồng.

+ Nợ lãi tính đến ngày 23/02/2023 là: 591.061 đồng.

Tổng cộng là: 20.919.051 đồng.

- Kể từ ngày 24/02/2023, buộc ông M1 còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được phê duyệt ngày 12/9/2016 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ngân hàng C1 không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Châu M1 phải chịu 1.045.953 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với ông Lê Châu M1.

2/ Buộc ông Lê Châu M1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C1 số tiền nợ gốc và lãi là **20.919.051 đồng** (Hai mươi triệu chín trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi một đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: **20.327.990 đồng** (Hai mươi triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi đồng).

- Nợ lãi tính đến ngày 23/02/2023 là: **591.061 đồng** (Năm trăm chín mươi một nghìn không trăm sáu mươi một đồng).

3/ Kể từ ngày 24/02/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Châu M1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải trả chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được phê duyệt ngày 12/9/2016 đã ký với Ngân hàng C1, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc phải thanh toán này.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lê Châu M1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C1.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng C1 không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Châu M1 phải chịu **1.045.953 đồng** (Một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thùy Dung